

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH ĐÀO TẠO: QUẢN LÝ ĐẤT ĐAI
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
BẢN ĐỒ ĐỊA LÝ (GEOGRAPHICAL MAP)

I. Thông tin về học phần

- Mã học phần: **QL01013**
- Học kỳ: 3
- Tín chỉ: **Tổng số tín chỉ 2 TC (Lý thuyết 1,5 TC – Thực hành 0,5 TC)**
- Tự học: 4
- Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập:
 - + Học lý thuyết trên lớp: 22,5
 - + Làm bài tập trên lớp: 0
 - + Thảo luận trên lớp: 0
 - + Thực hành trong phòng thực tập thiết kế: 7,5
 - + Thực tập thực tế ngoài trường: 0
 - + Tự học: 60
- Đơn vị phụ trách học phần:
 - Bộ môn: Trắc địa Bản đồ
 - Khoa: Quản lý đất đai
- Là học phần: Tự chọn
- Học phần học trước: Không

Đại cương <input type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>					
Bắt buộc	Tự chọn	Cơ sở ngành <input checked="" type="checkbox"/>		Chuyên ngành <input type="checkbox"/>		Chuyên sâu <input type="checkbox"/>	
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn	Bắt buộc	Tự chọn
<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input checked="" type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

- Học phần học song hành:
- Học phần tiên quyết: Không
- Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh , Tiếng Việt

II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi

* Mục tiêu :

- Về kiến thức: Học phần nhằm giúp cho sinh viên nắm bắt được các yếu tố cơ bản về địa lý học trái đất, các yếu tố tự nhiên kinh tế xã hội của vùng lãnh thổ khi được thể hiện trên bản đồ. Những vấn đề cơ bản đối với các yếu tố địa lý thể hiện. Sau khi học xong môn học này sinh viên có thể trình bày và thể hiện các đối tượng tự nhiên kinh tế xã hội của vùng lãnh thổ trên bản đồ địa lý phục vụ các mục đích trong thực tiễn.

- Về kỹ năng: Học xong phần lý thuyết và thực hành môn Bản đồ địa lý, sinh viên có thể biết cách đọc, phân tích các đối tượng địa lý chung trên bản đồ, thiết kế, biên tập và sử dụng bản đồ địa lý trong thực tiễn sản xuất.

- Về các mục tiêu khác (thái độ học tập): Sinh viên phải có thái độ học tập nghiêm túc, tham gia các buổi thực hành đầy đủ.

* **Kết quả học tập mong đợi của học phần:**

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

1. Không đóng góp;
2. Có đóng góp;
3. Đóng góp nhiều

Mã học phần	Tên học phần	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT								
		CDR1	CDR2	CDR3	CDR4	CDR5	CDR6 (CN1)	CDR7 (CN2)	CDR8 (CN3)	CDR9
QL01013	Bản đồ địa lý	1	1	2	1	1	1	1	2	2

Mã học phần	Tên học phần	Mức độ đóng góp của học phần cho CDR của CTĐT									
		CDR10	CDR11	CDR12	CDR13	CDR14 (CN1)	CDR15 (CN2)	CDR16 (CN3)	CDR17	CDR18	
QL01013	Bản đồ địa lý	1	1	2	1	1	1	2	2	2	

Ký hiệu	KQHTMD của học phần Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được	CDR của CTĐT
Kiến thức		
K1	Hiểu được nội dung, ý nghĩa của bản đồ địa lý, nắm được các nội dung về phép chiếu, tỷ lệ, hệ tọa độ khi thành lập bản đồ địa lý	CDR 3
K2	Lý giải và vận dụng được kiến thức của các công nghệ mới trong đo đạc, xử lý số liệu, kiểm tra đánh giá chất lượng sản phẩm công trình địa chính	CDR 8
Kỹ năng		
K3	Sử dụng thành thạo các phần mềm tin học chuyên ngành phục vụ thành lập bản đồ địa lý và công tác quản lý và sử dụng đất.	CDR 9

K4	Thực hiện thành thạo kỹ năng biên tập, tiếp biên và thành lập Bản đồ địa lý	CĐR 12
K5	Sử dụng thành thạo các loại máy trắc địa, xử lý số liệu đo đạc trong thành lập bản đồ địa lý phục vụ công tác quản lý Nhà nước về đất đai.	CĐR 16
Năng lực tự chủ và trách nhiệm		
K6	Có ý thức, kỷ luật, tinh thần, trách nhiệm và nghiêm túc trong học tập	CĐR 17
K7	Tích cực tham khảo tài liệu, thực hành để nâng cao trình độ	CĐR 18

II. Nội dung tóm tắt của học phần (Không quá 100 từ)

QL01013. Bản đồ địa lý (Geographical Map). (2TC: 1,5 -0,5- 4) Những vấn đề chung về bản đồ địa lý; cơ sở toán học của bản đồ địa lý; nội dung bản đồ địa lý; tổng quát hóa và mô hình hóa bản đồ địa lý; phương pháp thành lập và biên tập bản đồ địa lý; sử dụng bản đồ và công nghệ số trong thành lập bản đồ địa lý; ứng dụng bản đồ địa lý trong thực tiễn.

IV. Phương pháp giảng dạy và học tập

1. Phương pháp giảng dạy

- + Thuyết giảng
- + Giảng dạy thực hành, xử lý số liệu, thành lập bản đồ.

2. Phương pháp học tập

- + Nghe thuyết giảng;
- + Nghiên cứu đọc tài liệu;
- + Thực hiện các nội dung thực hành do giảng viên hướng dẫn và làm việc nhóm.

V. Nhiệm vụ của sinh viên

- Chuyên cần: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham dự ít nhất 75% số tiết học lý thuyết.
- Chuẩn bị cho bài giảng: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải đọc giáo trình và sách tham khảo do giảng viên giới thiệu trước buổi học.
- Thực hành: Tất cả sinh viên tham dự học phần này phải tham gia 100% giờ thực hành. Thực hành theo nhóm, nộp và bảo vệ sản phẩm theo quy định.
- Thi cuối kì: Sinh viên phải tham gia và làm bài thi kết thúc học phần.

VI. Đánh giá và cho điểm

1. Thang điểm: 10

2. Điểm cuối kì là điểm trung bình cộng của những điểm thành phần sau:

- Điểm chuyên cần: 1 (10%)
- Điểm quá trình/Điểm kiểm tra giữa kì: 3 (30%)
- Điểm kiểm tra cuối kì: 6 (60%)

3. Phương pháp đánh giá

Rubric đánh giá	Nội dung/Tiêu chí đánh giá	KQHTMD được đánh giá	Trọng số (%)	Thời gian/Tuần học
Chuyên cần			10	
Chuyên cần (Rubric 1)	Thời gian tham dự	K1, K2, K3, K4, K5	5	1-10
	Thái độ tham dự	K6, K7	5	
Đánh giá quá trình			30	
Thực hành (Rubric2)	Thái độ tham dự	K6, K7	10	3-15
	Kết quả thực hành	K3, K4, K5	10	
	Sản phẩm giao nộp	K4, K5	10	
Cuối kì			60	
Thi cuối kỳ (Rubric3)	Nội dung kiểm tra toàn bộ những kiến thức và kỹ năng đã học.	K1, K2, K3, K4, K5	60	Theo lịch thi HV

Rubric 1: Đánh giá chuyên cần (tham dự lớp)

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt	Khá	Kém
Thái độ tham dự	50	Chủ động, tích cực đóng góp ý kiến (0,5đ)	Bị động đóng góp ý kiến (0,3đ)	Không đóng góp ý kiến (0đ)
Thời gian tham dự	50	Tham dự từ 85 – 100% giờ học (0,5đ)	Tham dự từ 75 – 85% giờ học (0,3đ)	Tham dự dưới 75% giờ học (0 đ)

Rubric 2. Đánh giá thực hành

Tiêu chí	Trọng số (%)	Tốt 100%	Khá 75%	Trung bình 50%	Kém 0%
Thái độ tham dự	20	Tích cực tham gia và chia sẻ trong quá trình thực hành	Có tham gia và chia sẻ trong quá trình thực hành	Có tham gia nhưng không chú ý và chia sẻ trong quá trình thực hành	Không tham gia và chia sẻ trong quá trình thực hành
Kết quả thực hành	40	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng khá tốt các yêu cầu, còn sai sót nhỏ	Kết quả thực hành đầy đủ và đáp ứng tương đối các yêu cầu, có một số sai sót.	Kết quả thực hành không đầy đủ/Không đáp ứng yêu cầu
	30	Giải thích và chứng minh rõ ràng	Giải thích và chứng minh khá rõ ràng	Giải thích và chứng minh tương đối rõ ràng	Giải thích và chứng minh không rõ ràng
Sản phẩm giao nộp	10	Đúng format, trình bày đẹp, rõ ràng, logic và nộp đúng hạn	Điểm tùy theo mức độ đáp ứng		

Rubric 3: Đánh giá cuối kì

Nội dung kiểm tra	Chỉ báo thực hiện của học phần được đánh giá qua câu hỏi	KQHTMĐ của môn học được đánh giá qua câu hỏi
Chương 1	Chỉ báo 1: <i>Những vấn đề chung về bản đồ địa lý</i>	K1, K2
Chương 2	Chỉ báo 2: <i>Cơ sở toán học của bản đồ địalyý</i>	K1, K2
Chương 3	Chỉ báo 3: <i>Nội dung bản đồ địa lý</i>	K1, K2
Chương 4	Chỉ báo 4: <i>Tổng quát hóa và mô hình hóa bản đồ địa lý</i>	K1, K2
Chương 5	Chỉ báo 5: <i>Phương pháp thành lập và biên tập bản đồ địa lý</i>	K1, K2
Chương 6	Chỉ báo 6: <i>Sử dụng bản đồ địa lý</i>	K1, K2

4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần

- Tham dự thực hành: Sinh viên không tham dự thực hành sẽ bị 0 điểm thực hành và không đủ điều kiện dự thi lý thuyết;
- Tham dự bài thi: Sinh viên không tham gia bài thi sẽ bị 0 điểm;
- Yêu cầu về đạo đức: Sinh viên phải có thái độ học tập nghiêm túc, đúng mực.

VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo

Giáo trình:

[1]Trần Trọng Phương, Nguyễn Đình Trung. *Bài giảng Bản đồ địa lý*, NXB Đại học Nông nghiệp Hà Nội, 2009 (Tài liệu tham khảo chính)

Tài liệu tham khảo:

[2]V.S.TIKUNOV, Biên dịch Hoàng Phương Nga, Nguyễn Thơ Các, *Mô hình hóa trong bản đồ kinh tế xã hội*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2004

[3]Nguyễn Cao Huân, *Đánh giá cảnh quan*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2005

[4]Nguyễn Nguyễn Thế Việt. *Thiết kế biên tập và thành lập bản đồ*, Trường Đại học Mở Địa chất, 2002

[5]Trần Trung Hồng. *Trình bày bản đồ*, Trường Đại học Mở địa chất, 2004

[6]Cartography:Visualization of Spatial Data, *Meno-Jan Krakk & Ferjal Ormeling*, LONGMAN

[7]Cartographic Design And Production (Second Edition), *J.S.Keates, Longman Scientitic & Technical*.

VIII. Nội dung chi tiết của học phần

Tuần	Nội dung	KQHTMD của học phần
1-2	Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ BẢN ĐỒ ĐỊA LÝ	K1, K2, K6, K7
	<p>A. Các nội dung chính trên lớp (4 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết (4 tiết) 1.1. Khái quát chung về bản đồ địa lý 1.2. Các yếu tố của bản đồ địa lý 1.3. Ý nghĩa các yếu tố biểu thị trên bản đồ địa lý 1.4. Mối liên hệ giữa bản đồ địa lý và các môn học khác</p> <p>B. Các nội dung tự học ở nhà (8 tiết) 1.5. Ôn tập kiến thức chương 1 1.6. Nghiên cứu tài liệu tham khảo</p>	
3-4	Chương 2. CƠ SỞ TOÁN HỌC CỦA BẢN ĐỒ ĐỊA LÝ	K1, K2, K6, K7
	<p>A. Các nội dung chính trên lớp (4 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết (4 tiết) 2.1. Đặc tính cơ bản các phép chiếu dùng trong bản đồ địa lý 2.2. Hệ toạ độ dùng trong bản đồ địa lý 2.3. Bản đồ địa lý và bản đồ chuyên đề 2.4. Bố cục của bản đồ địa lý</p> <p>B. Các nội dung tự học ở nhà (8 tiết) 2.5. Ôn tập kiến thức chương 2 2.6. Nghiên cứu tài liệu tham khảo</p>	
5-6	Chương 3. NỘI DUNG BẢN ĐỒ ĐỊA LÝ	K1, K2, K6, K7
	<p>A. Các nội dung chính trên lớp (7,5 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết (4 tiết) 3.1. Nội dung của bản đồ địa lý 3.2. Hệ thống ký hiệu quy ước trên bản đồ địa lý 3.3. Ghi chú trên bản đồ địa lý</p> <p>Nội dung thực hành:(3,5 tiết) Bài 1. Đọc và xác định các đối tượng địa lý chung trên bản đồ ở các tỷ lệ từ 1/10.000 đến 1/50.000</p> <p>B. Các nội dung tự học ở nhà (15 tiết) 3.4. Ôn tập kiến thức chương 3 3.5. Nghiên cứu tài liệu tham khảo</p>	
7-8	Chương 4. TỔNG QUÁT HÓA VÀ MÔ HÌNH HÓA BẢN ĐỒ ĐỊA LÝ	K1, K2, K6, K7
	<p>A. Các nội dung chính trên lớp (4 tiết) Nội dung giảng dạy lý thuyết (4tiết) 4.1. Khái niệm về tổng quát hóa bản đồ 4.2. Các yếu tố ảnh hưởng quá trình tổng quát hóa 4.2. Tổng quát hóa các yếu tố kinh tế xã hội của bản đồ địa lý</p>	

	<p>4.4. Mô hình hóa các yếu tố trong bản đồ kinh tế xã hội</p> <p>B. Các nội dung tự học ở nhà (8 tiết)</p> <p>4.5. Ôn tập kiến thức chương 4</p> <p>4.6. Nghiên cứu tài liệu tham khảo</p>	
8-9	<p>Chương 5. PHƯƠNG PHÁP THÀNH LẬP VÀ BIÊN TẬP BẢN ĐỒ ĐỊA LÝ</p> <p>A. Các nội dung chính trên lớp (8 tiết)</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết (4 tiết)</p> <p>5.1. Cơ sở lý thuyết về biên tập bản đồ</p> <p>5.2. Thiết kế và thành lập bản đồ địa lý</p> <p>5.3. Các phương pháp thành lập bản đồ địa lý</p> <p>5.4. Chuyển vẽ các yếu tố nội dung của bản đồ địa lý</p> <p>5.5. Biên tập bản đồ địa lý theo nội dung</p> <p>Nội dung thực hành:(4 tiết)</p> <p>Bài 2. Minh họa các đối tượng địa lý trên bản đồ ở các tỷ lệ 1/10.000 đến 1/50.000</p> <p>B. Các nội dung tự học ở nhà (16 tiết)</p> <p>5.6. Ôn tập kiến thức chương 5</p> <p>5.7. Nghiên cứu tài liệu tham khảo</p>	K3, K4, K5, K6, K7
10	<p>Chương 6. SỬ DỤNG BẢN ĐỒ ĐỊA LÝ</p> <p>A. Các nội dung chính trên lớp (2,5 tiết)</p> <p>Nội dung giảng dạy lý thuyết (2,5 tiết)</p> <p>6.1. Sử dụng bản đồ</p> <p>6.2. Khái niệm về công nghệ bản đồ số</p> <p>6.3. Cơ sở dữ liệu bản đồ số</p> <p>6.4. Phần mềm ứng dụng trong thành lập bản đồ</p> <p>6.5. Ứng dụng bản đồ địa lý trong thực tiễn</p> <p>B. Các nội dung tự học ở nhà (5 tiết)</p> <p>6.6. Ôn tập kiến thức chương 6</p> <p>6.7. Nghiên cứu tài liệu tham khảo</p>	K3, K4, K5, K6, K7

IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:

- Phòng học, thực hành: Đảm bảo diện tích, chỗ ngồi, điều kiện chiếu sáng, không gian thoáng sạch theo tiêu chuẩn phòng học bậc Đại học.

- Phương tiện phục vụ giảng dạy: Đảm bảo đủ phương tiện cần thiết như máy chiếu, bảng phấn, loa mic, phần mềm, máy tính.

- Các phương tiện khác: không

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

TRƯỞNG BỘ MÔN

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS.TS. Trần Trọng Phương

ThS. Nguyễn Đình Trung

TRƯỞNG KHOA

DUYỆT CỦA HỌC VIỆN

PGS.TS. Cao Việt Hà

**PHỤ LỤC
THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

Giảng viên phụ trách học phần

Họ và tên: Trần Trọng Phương	Học hàm, học vị: PGS. TS
Địa chỉ cơ quan: Học viện NNVN, Trâu Quỳ Gia Lâm Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 098.988.5868
Email: ttphuong@vnua.edu.vn ;	Trang web: http://qldd.vnua.edu.vn/vi/tbdb.html
Cách liên lạc với giảng viên: qua Email, điện thoại	

Giảng viên giảng dạy học phần

Họ và tên: Nguyễn Đình Trung	Học hàm, học vị: ThS
Địa chỉ cơ quan: Học viện NNVN, Trâu Quỳ Gia Lâm Hà Nội	Điện thoại liên hệ: 096.396.2286
Email: ndtrung@vnua.edu.vn	Trang web: http://qldd.vnua.edu.vn/vi/tbdb.html
Cách liên lạc với giảng viên: qua Email, điện thoại	